|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** **TỈNH BẮC KẠN**Số: /HĐND-VPV/v gửi tài liệu tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ 14 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Bắc Kạn, ngày tháng 8 năm 2023* |

Kính gửi: Các vị đại biểu HĐND tỉnh khóa X

 Để phục vụ tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026; Thường trực HĐND tỉnh gửi các vị đại biểu HĐND tỉnh Báo cáo tóm tắt kết quả kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa X.

 *(Nội dung cụ thể của các nghị quyết được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn tại địa chỉ:http://dbdc.backan.gov.vn.)*

 Đề nghị các vị đại biểu nghiên cứu tài liệu và các nghị quyết đã được thông qua tại kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa X báo cáo với cử tri theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- TT. HĐND tỉnh;- UBMTTQVN các xã, phường, thị trấn có điểm TXCT;- LĐVP;- Phòng CT HĐND;- Lưu VT. | **TL. CHỦ TỊCH**  **KT. CHÁNH VĂN PHÒNG****PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG****Doanh Thiêm Huy** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tóm tắt kết quả kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa X**

*(Tài liệu phục vụ TXCT của đại biểu HĐND tỉnh)*

 **A. NỘI DUNG KỲ HỌP**

 Kỳ họp thứ 14 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X tổ chức trong 2,5 ngày (*31/7 đến ngày 02/8/2023*) đã hoàn thành nội dung, chương trình đề ra: Xem xét, thông qua các báo cáo theo Luật định; 23 nghị quyết *(trong đó có 18 nghị quyết chuyên đề, 02 nghị quyết thường kỳ; 02 nghị quyết về công tác cán bộ và 01 nghị quyết về kết quả kỳ họp)*.

Cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2023; Báo cáo hoạt động 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp thứ 11, các ý kiến, kiến nghị của cử tri chưa được giải quyết trước và sau kỳ họp thứ chín Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X; báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND, Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu HĐND tỉnh từ đầu nhiệm kỳ 2021 - 2026 đến hết năm 2022; báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát về việc chấp hành pháp luật về quản lý đất công gắn với tài sản công trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; báo cáo tổng hợp kết quả giám sát của các Ban HĐND tỉnh về tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025. Thông qua các nội dung giải quyết công việc giữa hai kỳ họp đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến để Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan kịp thời tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Thống nhất với báo cáo công tác của Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các báo cáo khác của cơ quan, đơn vị liên quan theo Luật định.

3. Tiến hành công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Nghị quyết số 64/2021/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc phê chuẩn chức vụ Phó Trưởng ban Dân tộc HĐND tỉnh đối với bà Hoàng Thị Ngọc Lan, Phó Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy, đại biểu HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đơn vị huyện Ngân Sơn *(kiêm nhiệm).*

- Nghị quyết số 65/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với bà Hà Thị Liễu, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

**B. HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP**

1. Thường trực HĐND tỉnh đã tiến hành giám sát và ban hành báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp thứ 11 và các ý kiến, kiến nghị của cử tri chưa được giải quyết từ kỳ họp thứ chín HĐND tỉnh khóa X trở về trước *(Báo cáo số 151/BC-HĐND ngày 25/7/2023)*.

2. Trước kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa X, Thường trực HĐND tỉnh đã phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức cho đại biểu TXCT báo cáo dự kiến chương trình kỳ họp thứ 14 và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri của các tổ đại biểu HĐND tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình tại kỳ họp. Theo đó UBND tỉnh đã có Báo cáo số 485/BC-UBND ngày 24/7/2023 về việc trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa X.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh đã tiến hành phiên chất vấn đối với 02 nhóm vấn đề, Cụ thể:

- Nhóm vấn đề thứ nhất gồm: (1) Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công (gồm tất cả các nguồn vốn). (2) Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. (3) Công tác hướng dẫn, tham mưu, chỉ đạo điều hành ngân sách năm 2023; thẩm định giá mua sắm hàng hóa, thiết bị; mua sắm sách giáo khoa và thiết bị dạy học thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Nhóm vấn đề thứ hai gồm: (1) Công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật (gồm công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật nói chung và công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng; tội phạm, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng). (2) Công tác thi hành pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông. (3) Tình hình thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính. (4) Tình hình và kết quả triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

Tại phiên chất vấn và trả lời chất vấn đã có 17 lượt đại biểu chất vấn với 19 ý kiến chất vấn, tiếp nhận 03 ý kiến, kiến nghị theo đường dây nóng gửi đến kỳ họp; 15 lượt giám đốc sở, ngành trả lời trực tiếp, 03 đại biểu tranh luận làm rõ thêm vấn đề; 02 Phó Chủ tịch và Chủ tịch UBND tỉnh trả lời và làm rõ thêm những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách. Nhìn chung, phiên chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành nghiêm túc, dân chủ, đúng quy định của pháp luật, đạt được yêu cầu đề ra. Hầu hết các nội dung chất vấn đều tập trung vào những vấn đề vướng mắc, bức xúc được đông đảo cử tri và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm như vấn đề về quản lý, giải ngân các nguồn vốn đầu tư, việc hỗ trợ các doanh nghiệp, các hợp tác xã trong phát triển sản xuất, kinh doanh, công tác quản lý phương tiện tham gia giao thông, quản lý người nghiện ma túy; công tác thanh tra, kiểm tra, việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo…

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được chất vấn đã tập trung vào nội dung chính, trọng tâm cần trả lời; đại biểu Hội đồng nhân dân đã tích cực tham gia chất vấn thêm để làm rõ vấn đề, tạo không khí phiên chất vấn cởi mở, thẳng thắn. Nhìn chung, cơ bản các ý kiến trả lời chất vấn và các ý kiến giải trình của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đúng nội dung, cụ thể, thẳng thắn trách nhiệm đối với những việc chưa làm được và đề ra được những giải pháp khắc phục. Chủ tịch UBND tỉnh đã thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh và trả lời bổ sung vấn đề mà các ngành được chất vấn chưa trả lời rõ *(Nội dung cụ thể buổi chất vấn đã được tường thuật trực tiếp trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Kạn).*

**C. THÔNG QUA CÁC NGHỊ QUYẾT:**

**1. Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.**

*Nội dung cụ thể:*

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Mức thu các khoản phí từ Điều 1 đến Điều 13 quy định này áp dụng cho trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mức thu phí bằng 60% mức thu phí cung cấp dịch vụ công trực tiếp”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Mức thu các khoản lệ phí từ Điều 16 đến Điều 20 quy định này áp dụng cho trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mức thu lệ phí bằng 60% mức thu lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tiếp”.

**2. Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 bổ sung quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

1. Sửa tên dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo, gồm các dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được quy định tại Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước chưa được quy định tại Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**3. Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023 *(bổ sung lần 4)***

*Nội dung cụ thể:*

Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023 *(bổ sung lần 4)*, với tổng số tiền 83.836.037.000 đồng (*Tám mươi ba tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Trong đó:

(1) Phân bổ và giao dự toán kinh phí 81.548,024 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2023 cho Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thành phố thực hiện việc mua sắm thiết bị trường học các trường học trên địa bàn tỉnh.

(2) Phân bổ và giao dự toán kinh phí 1.487,58 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2023 để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP năm 2023.

(3) Phân bổ và giao dự toán kinh phí 800,433 triệu đồng từ nguồn cải cách tiền lương tỉnh điều hành năm 2023 để thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 9/3/2015 của Chính phủ, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ đợt 01/4 năm 2023.

**4. Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

Bổ sung Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Bổ sung nội dung thứ 15 vào Phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung hỗ trợ** | **Ngân sách nhà nước *(%)*** | **Vận động, huy động nguồn lực khác tối đa *(%)*** |
| **Tổng số *(hỗ trợ tối thiểu)*** | **Trong đó:** |
| **Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa** | **Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu** |
| 15 | Chương trình OCOP | 73,5 | 70 | 3,5 | 26,5 |

**5. Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh**

*Nội dung cụ thể:*

1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”.

2. Bổ sung điểm g khoản 1 vào Điều 3 như sau:

“g) Dự án vùng trồng dược liệu quý thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai một số nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.”.

3. Bổ sung điểm h khoản 1, điểm g khoản 2, điểm h khoản 3 vào Điều 3 như sau: “Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.”.

4. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

“Điều 3a. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác nhưng tối đa không quá 5.000 triệu đồng trên 01 dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia”.

5. Sửa đổi khoản 2, Điều 4 như sau:

“2. Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

a) Cơ quan được giao vốn thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

b) Lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

c) Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết:

d) Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết:

6. Bổ sung khoản 3, khoản 4 vào Điều 4;

7. Bổ sung nội dung hỗ trợ tại điểm a khoản 1, bổ sung điểm h khoản 2 vào Điều 5 như sau:

“Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất”.

8. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác nhưng tối đa không quá 1.500 triệu đồng trên 01 dự án, phương án sản xuất thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia”.

9. Bổ sung Điều 5b vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5b. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Dự án, phương án sản xuất của cộng đồng đề xuất, tổ chức thực hiện gồm một trong các loại cây trồng, vật nuôi, ngành hàng, sản phẩm sau đây:

- Rau, củ, quả, cây đặc sản, cây công nghiệp (Cam, quýt, hồng không hạt, mơ, dong riềng, bí xanh thơm, rau bồ khai, chuối,...);

- Gạo chất lượng;

- Chè (chè trung du, chè shan tuyết);

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm,...;

- Trồng rừng, cải tạo rừng trồng (lát, keo, mỡ, thông, hồi, quế,...);

- Sản phẩm từ các cây dược liệu”.

10. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

“1. Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được thẩm định nhưng chưa phê duyệt thì thực hiện theo Nghị quyết này.”

**6. Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nôi dung cụ thể:*

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định cụ thể nội dung, mức chi duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân tại các xã đặc biệt khó khăn đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện nhiệm vụ thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025.

2. Nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ thông tin và truyền thông như sau:

1*.* Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân, bao gồm:

a) Thù lao làm thêm 68 giờ/tháng (*bao gồm 02 giờ/1ngày làm việc và 06 giờ ngày thứ 7 hằng tuần)* cho nhân viên trực điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân. Mức chi: 1.435.000 đồng/điểm/tháng.

b) Tiền điện để duy trì hoạt động của máy tính, điện thắp sáng, quạt điện, phục vụ nhân dân thêm 68 giờ/tháng *(bao gồm 02 giờ/1ngày làm việc và 06 giờ ngày thứ 7 hằng tuần)*. Mức chi: 75.000 đồng/điểm/tháng.

2. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã, gồm:

Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn, bản trong xã; thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông. Mức chi: Không quá 35 triệu đồng/01 cụm loa.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

 Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; nguồn kinh phí đối ứng của địa phương và nguồn kinh phí hợp pháp khác *(nếu có).*

**7. Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 phân cấp thẩm quyền quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh**

*Nội dung cụ thể:*

Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước *(bao gồm vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cấp tỉnh đối ứng)* thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc nguồn vốn phân cấp cấp huyện quản lý.

**8. Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Phục dựng, tôn tạo một số hạng mục di tích lịch sử Đồn Phủ Thông**

*Nội dung cụ thể:*

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Phục dựng, tôn tạo một số hạng mục di tích lịch sử Đồn Phủ Thông với các nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của di tích, để nơi đây sẽ là điểm đến tham quan, học tập về truyền thống cách mạng của quê hương cho các tầng lớp nhân dân.

2. Quy mô đầu tư: Quy hoạch mặt bằng tổng thể di tích lịch sử đồn Phủ Thông, phục dựng một số hạng mục thể hiện kết quả sau trận công đồn: Phục dựng nhà chỉ huy, nhà làm việc; Phục dựng cổng, tường rào, hầm hào; Đường lên khu di tích; Sưu tầm tư liệu, dấu tích liên quan đến trận đánh.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 20 tỷ đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn được hỗ trợ từ Bộ Quốc phòng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025.

**9. Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể**

*Nội dung cụ thể:*

- Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể với các nội dung sau:

Điều chỉnh Quy mô đầu tư dự án:

+ Điều chỉnh “Xây dựng cầu bê tông cốt thép dự ứng lực thay thế cầu treo Pác Ngòi cũ” thành “Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cầu treo Pác Ngòi cũ”.

+ Bổ sung hạng mục Di chuyển hạ ngầm công trình hạ tầng kỹ thuật trên các tuyến đường đối với đoạn qua khu dân cư.

- Các nội dung khác không điều chỉnh tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2020; Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**10. Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025**

*Nội dung cụ thể:*

Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh quy mô dự án: Xây dựng 251 tuyến *(tăng 68 tuyến)* đường lâm nghiệp với tổng chiều dài khoảng 491,3 km *(tăng 46,30 km)*, tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn loại C *(TCVN 10380-2014)* có châm trước về độ dốc. Trong đó:

a) Điều chỉnh cắt giảm 57 tuyến đường lâm nghiệp đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường lâm nghiệp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 với tổng chiều dài là 192,1 km.

b) Điều chỉnh thay thế, bổ sung 125 tuyến đường lâm nghiệp mới, tổng chiều dài là 238,4 km.

2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 224,551 tỷ đồng *(tăng 24,551 tỷ đồng).*

3. Cơ cấu nguồn vốn dự án sau điều chỉnh: 200 tỷ đồng từ nguồn Ngân sách trung ương; 24,551 tỷ đồng bổ sung từ nguồn vốn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023.

4. Địa điểm thực hiện dự án sau điều chỉnh: Trên địa bàn 83 xã, phường, thị trấn *(tăng thêm 10 xã)* thuộc 08 huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Kạn.

**11. Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương *(lần 8)***

*Nội dung cụ thể:*

\* Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương - nguồn vốn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước (lần 8) như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 35.461 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn: 35.461 triệu đồng, trong đó:

a) Dự án quyết toán (03 dự án): 1.526 triệu đồng.

b) Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án khởi công mới đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (01 dự án): 2.375 triệu đồng.

c) Dự án khởi công mới (05 dự án): 19.286 triệu đồng.

d) Bổ sung kế hoạch vốn cho nhiệm vụ quy hoạch: 6.800 triệu đồng.

đ) Bổ sung kế hoạch vốn đối ứng thực hiện CTMTQG giai đoạn 2021-2025: 5.474 triệu đồng.

\* Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương - Nguồn thu xổ số kiến thiết như sau:

Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 03 dự án quyết toán: 603 triệu đồng.

Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn *(bổ sung dự phòng nguồn thu xổ số kiến thiết)*: 603 triệu đồng.

**12. Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

\* Thông qua tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là 2.651.385 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Ngân sách trung ương 2.500.993 triệu đồng.

2. Ngân sách địa phương *(cấp tỉnh)* đối ứng 150.392 triệu đồng.

\* Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn: 487.904 triệu đồng, trong đó:

a) Ngân sách trung ương: 473.693 triệu đồng.

b) Ngân sách địa phương *(cấp tỉnh)* đối ứng: 14.211 triệu đồng.

2. Phân bổ theo cấp điều hành:

a) Cấp huyện điều hành: 401.320 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 389.631 triệu đồng

- Ngân sách địa phương: 11.689 triệu đồng.

b) Cấp tỉnh điều hành: 86.584 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 84.062 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 2.522 triệu đồng.

\* Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn: 1.668.339 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.576.720 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương *(cấp tỉnh)* đối ứng: 91.619 triệu đồng.

2. Phân bổ theo cấp điều hành:

a) Cấp huyện điều hành: 880.765 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 837.044 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 43.721 triệu đồng.

b) Cấp tỉnh điều hành: 787.574 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 739.676 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 47.898 triệu đồng.

\* Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn: 495.142 triệu đồng *(cấp huyện điều hành)*, trong đó

1. Ngân sách trung ương: 450.580 triệu đồng.

2. Ngân sách địa phương *(cấp tỉnh)* đối ứng: 44.562 triệu đồng.

**13. Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

Thông qua phương án phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, như sau:

1. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được phép kéo dài thực hiện điều chỉnh là 730 triệu đồng. Cụ thể:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn cấp huyện *(08 huyện, thành phố)*: 730 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cấp tỉnh: 730 triệu đồng, trong đó:

- Kế hoạch vốn dự phòng: 464 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn của 01 dự án khởi công mới: 266 triệu đồng.

2. Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được phép kéo dài phần cấp tỉnh điều hành thực hiện điều chỉnh là 8.866 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 03 dự án thành phần: 8.866 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của 01 dự án thành phần *(06 dự án)*: 8.866 triệu đồng.

b) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 điều chỉnh là 6.728 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn dự phòng: 6.728 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng, phân bổ kế hoạch vốn của 02 dự án: 6.728 triệu đồng.

**14. Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh**

**Nội dung cụ thể:**

1. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 1 như sau:

“b) Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện và công chức xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi là cấp xã)*”.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Chi nước uống phục vụ lớp học: Mức chi tối đa 10.000 đồng/người/ngày”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 3 như sau:

“8. Chi dịch thuật; chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc; các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học; chi phí tổ chức đi khảo sát, thực tế theo yêu cầu của chương trình đào tạo do cấp có thẩm quyền ban hành; chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng; chi văn phòng phẩm, các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số [36/2018/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-36-2018-tt-btc-huong-dan-lap-du-toan-quan-ly-kinh-phi-dao-tao-can-bo-cong-chuc-383277.aspx); khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BTC; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND và khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này.

Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 của quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện quy đổi thời gian ra giờ chuẩn theo quy định tại Thông tư số [01/2018/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-01-2018-tt-bnv-huong-dan-nghi-dinh-101-2017-nd-cp-boi-duong-can-bo-cong-chuc-364926.aspx) ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số [101/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-101-2017-nd-cp-dao-tao-boi-duong-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-319214.aspx) ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, các văn bản bổ sung, sửa đổi *(nếu có)* và các văn bản hướng dẫn chuyên ngành có liên quan”.

4. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

 “Chi tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sử dụng nguồn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - hội, các tổ chức hội, đơn vị lực lượng vũ trang có sử

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau: “Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC, Thông tư số 06/2023/TT-BTC. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của cấp có thẩm quyền”.

**15. Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tư pháp.

b) Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Các cơ quan, đơn vị khác có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

d) Các cơ quan, đơn vị, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.

đ) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

\* Mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản

1. Các nội dung chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành, cụ thể như sau:

a) Các khoản chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản) được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội, đơn vị lực lượng vũ trang có sử dụng ngân sách tỉnh Bắc Kạn.

b) Các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo và Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND.

c) Các khoản chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương và toàn quốc về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi một số khoản chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

d) Các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do ngân sách địa phương đảm bảo.

đ) Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

e) Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo hợp đồng giữa các bên và quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng.

g) Các khoản chi báo cáo về rà soát các văn bản có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm php luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật).

2. Đối với một số khoản chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

\* Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**16. Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 quy định mức hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

1. Đối tượng áp dụng

a) Người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Mức hỗ trợ, thời gian được hưởng hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ

a) Người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn được hưởng mức hỗ trợ là 500.000 đồng/tháng/người.

b) Trường hợp thời gian người được phân công trực tiếp giúp đỡ thực hiện không đủ một tháng, thì mức hỗ trợ được tính theo số ngày thực tế nhân với 500.000 đồng/30 ngày.

2. Thời gian được hưởng hỗ trợ

a) Thời gian người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn được hưởng kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quyết định phân công người trực tiếp giúp đỡ của cơ quan có thẩm quyền.

b) Trường hợp người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn được miễn chấp hành phần thời gian còn lại hoặc do điều kiện khác không tiếp tục thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc người được phân công trực tiếp giúp đỡ không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quyết định phân công thì được hưởng mức hỗ trợ theo thời gian thực tế giúp đỡ.

**17. Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 thông qua chủ trương điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng đối với các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (bổ sung)**

*Nôi dung cụ thể:*

Thông qua chủ trương điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng đối với các diện tích của các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn *(bổ sung)* với nội dung như sau:

Tổng diện tích điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng là **86,23 ha** *(20 công trình, dự án).*

**18. Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án *(bổ sung)* năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 08 công trình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với tổng diện tích **24,719 ha**, đối tượng là rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất và rừng trồng ngoài quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**19. Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 về chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2024**

**20. Nghị quyết số63/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 về tăng cường quản lý đất công gắn với tài sản công trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**21. Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2023 về kết quả kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2025**

Trên đây là những nội dung chủ yếu của kỳ họp thứ 14, HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa X. Đại biểu HĐND tỉnh căn cứ vào Đề cương này và các Nghị quyết đã được kỳ họp thông qua tham khảo, lựa chọn nội dung phù hợp với địa phương và từng điểm tiếp xúc để báo cáo kết quả kỳ họp với cử tri./.